

Số: /GPMT-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 41/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc chấp thuận nhà đầu tư Công ty Cổ phần Thiên Lộc Mai Hạnh thực hiện dự án đầu tư Khu du lịch sinh thái Thiên Đường;

Căn cứ Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Thiên Đường tại Xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 452/TTr-STNMT ngày 19 tháng 10 năm 2023 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thiên Lộc Mai Hạnh; địa chỉ: Số nhà 666, đường Trần Hưng Đạo, tổ 4, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu du lịch sinh thái Thiên Đường” tại xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: “Khu du lịch sinh thái Thiên Đường”.

1.1. Địa điểm hoạt động: Xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp mã số 5400495370 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hoà Bình cấp đăng ký lần đầu ngày 02/07/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/10/2019.

1.4. Mã số thuế: 5400495370.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, giáo dục thể thao và giải trí, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao, hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích đất sử dụng là 151.915,3 m² (15,19 ha).
- Tổng mức đầu tư: 150.000.000.000 đồng (Dự án nhóm B phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công năm 2019).
- Quy mô khách du lịch dự kiến: 500-800 du khách/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thiên Lộc Mai Hạnh được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thiên Lộc Mai Hạnh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi tiếng ồn, độ rung và chất thải có chất ô nhiễm ra môi trường không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường, giám sát việc vận hành thử nghiệm đối với dự án “Khu du lịch sinh thái Thiên Đường” tại xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình của Công ty Cổ phần Thiên Lộc Mai Hạnh được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, KH&CN, NN&PTNN, VHNT&DL;
- UBND thành phố Hòa Bình;
- UBND xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công ty Cổ phần Thiên Lộc Mai Hạnh
(Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh trả kết quả);
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn thải: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên, du khách.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa xin cấp phép: 250 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Suối thoát nước chung của khu vực.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Tại vị trí đầu nổi thoát nước thải vào suối thoát nước của khu vực.
- Tọa độ điểm xả: X: 2319546,9; Y: 436575,35.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiều 3°)

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 250 m³/ ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, k=1).

Bảng 1. Thông số và giá trị cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải của dự án

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/ BTNMT, cột A (k=1)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	1

6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	6
11	Coliform	MPN/100ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Quy trình thu gom: Nước thải sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, bể tách dầu mỡ → Hệ thống thu nước thải → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày đêm → Nguồn tiếp nhận nước thải là suối trong khu vực.

Hệ thống thu gom nước thải ngoài công trình riêng biệt, độc lập với hệ thống thu gom nước mưa. Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại, bể tách dầu mỡ đổ vào hệ thống thu gom nước thải ngoài công trình là hệ thống ống PVC D200, sau đó đổ vào cống thoát nước thải BTCT D300, tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trên mạng lưới thoát nước thải bố trí các hố ga thu thăm, khoảng cách trung bình 20-40m/ga, chi tiết:

- Cống BTCT D300: 280 m;
- Ống PVC D200: 500 m;
- Hố ga nước thải: 16 cái.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại

- Bố trí bể tự hoại tại các khu nhà vệ sinh trong các công trình đơn, tổng sử dụng 30 bể với dung tích chứa tổng 99 m³, chi tiết

+ Nhà tiếp đón: 01 bể, V chứa = 1 m³/bể (Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 1,31m x 1,81m x 1,0m).

+ Nhà điều hành: 01 bể, V chứa = 8 m³/bể (Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 2,22m x 3,0m x 2,0m).

+ Khu biệt thự sinh thái: 24 bể, V chứa = 8 m³/bể (Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 2,22m x 3,0m x 2,0m).

+ Khu spa: 01 bể, V chứa = 08 m³/bể (Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 2,22m x 3,0m x 2,0m).

+ Khu homestay: 02 bể, V chứa = 08 m³/bể (Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 2,22m x 3,0m x 2,0m).

+ Khu chòi nghỉ: 01 bể, V chứa = 08 m³/bể (Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 2,22m x 3,0m x 2,0m).

- Kết cấu các bể: Bể tự hoại 3 ngăn được xây dựng bằng gạch đặc VXM75#; láng trát trong thành và đáy bể bằng VXM75#, dày 30; đáy bể BTCT M#200, dày 150.

1.2.1. Bể tách dầu mỡ

- Bố trí 01 bể tách dầu mỡ tại khu nhà hàng.

- Thể tích bể tách dầu mỡ: 20 m³ (Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 4,6m x 2,9m x 2,3m).

- Kết cấu các bể: Bể tự hoại 3 ngăn được xây dựng bằng gạch đặc VXM75#; láng trát trong thành và đáy bể bằng VXM75#, dày 30; đáy bể BTCT M#200, dày 150.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày đêm

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ bếp ăn sau xử lý tại bể tách dầu mỡ 3 ngăn Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Lọc áp lực → Bể khử trùng → Chất lượng nước thải sau xử lý đạt Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt → Suối thoát nước khu vực.

- Số lượng HTXL nước thải: 01 hệ thống.

- Công suất: 250 m³/ ngày đêm.

- Vị trí đặt trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định tại mục 2.11.4 (tối thiểu 100m) QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Các loại hoá chất, chế phẩm sinh học sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý: Clorine 3g/m³ nước thải, vi sinh bổ sung: 100kg/năm

- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Bảng 2. Tổng hợp các hạng mục xây dựng của hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên bể	Kích thước thông thủy			Tổng thể tích (m ³)
		Cao (m)	Dài (m)	Rộng (m)	
1	Bể điều hoà	3,5	6,0	5	105
2	Bể thiếu khí	3,5	7,0	3,8	93,1
3	Bể hiếu khí	3,5	6,0	6,0	126
4	Bể lắng sinh học	3,5	6,0	5,8	121,8

5	Bể trung gian	3,5	2,8	2,0	19,6
6	Bể khử trùng	3,5	3,0	2,0	21
7	Bể chứa bùn	3,5	7,0	2,0	49

Bảng 3. Thống kê hạng mục thiết bị công nghệ của hệ thống xử lý nước thải

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
I	THIẾT BỊ CHÍNH				
1	Bể điều hòa				
1.2	Bơm bể điều hoà	- Loại: Bơm chìm, - Lưu lượng tối đa: Q=0,36 m ³ /phút - Cột cấp: H=6 m - Công suất: 0,75kW	Nhật Bản	Chiếc	2
2	Bể thiếu khí				
2.1	Máy khuấy chìm	Công suất: 0,75kW	Nhật Bản	Chiếc	2
3	Bể hiếu khí				
3.1	Bơm tuần hoàn	- Loại: Bơm chìm, - Lưu lượng tối đa: Q=0,36 m ³ /phút - Cột cấp: H=6 m - Công suất: 0,75kW	Nhật Bản	Chiếc	2
3.2	Máy thổi khí	- Lưu lượng: 3m ³ /phút - Công suất: 2,2 kW	TAIWAN	Chiếc	2
3.3	Giá thể vi sinh	- Đệm cầu MBBR - Đường kính: DN 50 - Vật liệu: PP/PE	VIET NAM	HỆ	1
4	Bể lắng				
4.1	Bơm bùn	- Loại: Bơm chìm, - Lưu lượng tối đa: Q=0,27 m ³ /phút - Cột cấp: H=6 m - Công suất: 1/3 HP, 1 pha 50Hz; 0,4kW	VIET NAM	Chiếc	2
4	Bể trung gian				

4.1	Bơm chìm	- Loại: Bơm chìm, - Lưu lượng tối đa: Q=0,36 m ³ /phút - Cột cấp: H=6 m - Công suất: 0,75kW	Nhật Bản	Chiếc	2
4.2	Cột lọc áp lực	Lưu lượng: 30 m ³ /giờ	Việt Nam	Chiếc	1
5	Bể khử trùng				
5.1	Máy khuấy hoá chất	- Tốc độ vòng quay: 145rpm - Công suất: 0,4kW	VIET NAM	BỘ	1
5.2	Bơm định lượng hoá chất	- Lưu lượng: 10,8 lít/giờ - Công suất: 20W/1 pha	VIET NAM	BỘ	1

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Sau khi hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của dự án, dự kiến từ 10/2025 – 03/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu vào tại bể gom và đầu ra tại điểm xả (sau bể khử trùng).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT cột A, k=1 đối với nước thải sinh hoạt thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4. Thông số và giá trị cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải của dự án

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/ BTNMT, cột A (k=1)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5

7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	PO_4^{3-} (tính theo P)	mg/l	6
11	Coliform	MPN/100ml	3.000

2.3. Tần suất lấy mẫu đối với nước thải: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Cụ thể 3 lần trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo quy chuẩn cho phép của chất ô nhiễm theo yêu cầu tại QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, k=1.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Công ty Cổ phần Thiên Lộc Mai Hạnh chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) trước khi xả vào suối trong khu vực./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

- Thường xuyên làm vệ sinh, thu gom rác, quét bụi, rửa các tuyến đường nội bộ và sân bãi... để giảm lượng bụi do các phương tiện giao thông ra vào dự án, nhất là vào những ngày hanh khô, nắng nóng.

- Đường giao thông, mặt bằng, sân bãi đã được đổ bê tông để giảm thiểu đất cát bị cuốn bay vào không khí.

- Các khoảng trống được tận dụng bố trí mảng cây xanh thích hợp để tạo cảnh quan và dải cây xanh cách li giữa các phân khu của dự án. Đồng thời duy trì diện tích rừng trồng ngăn cách dự án với các khu vực xung quanh.

- Khu vực hệ thống xử lý chất thải, tập kết chất thải rắn được bố trí cách xa các khu vực vui chơi, giải trí và ngăn cách bằng dải cây xanh.

- Tại khu vực nhà vệ sinh công cộng, nhà bếp duy trì các biện pháp thông gió kỹ thuật; Nhà vệ sinh được đặt trong khu cách ly bố trí cây xanh, cuối hướng gió.

- Các nhà vệ sinh có nhân viên quản lý, theo dõi, thường xuyên dọn vệ sinh, khử mùi, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, không có mùi hôi phát sinh ra bên ngoài.

- Các thiết bị, máy móc như xe điện, máy phát điện, máy cắt cỏ,...phải được kiểm tra, bảo dưỡng định kì.

- Các phương tiện phải đảm bảo đủ điều kiện lưu hành, trong thời hạn cho phép theo đúng quy định của Bộ Giao thông-Vận tải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Duy trì hoạt động dọn dẹp vệ sinh đường giao thông, khu vực công cộng,...

2.2. Kết hợp với các biện pháp kỹ thuật như thông gió; kiểm định, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ./.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN ĐỘ RUNG

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.
- Tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.

Tiếng ồn

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Từ 6h-21h (dBA)	Từ 21h-6h (dBA)		
1	70	55	Không áp dụng	Khu vực thông thường

Độ rung

TT	QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB			
	Từ 6h-21h	Từ 21h-6h		
1	70	60	Không áp dụng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Để giảm tiếng ồn, độ rung do các phương tiện giao thông: Phương tiện giao thông ra vào dự án phải đảm bảo đăng kiểm đúng quy định.
- Các phương tiện không được chở quá tải trọng và vận tốc cho phép.
- Tu sửa đường, bãi đậu xe nội bộ khi bị hỏng.
- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Biện pháp xử lý
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính	Rắn	16 01 06	20	Theo quy định
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	100	Theo quy định
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	10	Theo quy định
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	18 02 01	100	Theo quy định
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	10	Theo quy định
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất của bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	15	Theo quy định
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	15	Theo quy định
Tổng				270	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Tên chất thải thông thường	Đơn vị tính	Số lượng (năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Tấn/ngày	0,9
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	m ³ /năm	300
3	Bùn bể phốt	m ³ /năm	36

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng 60l, 120l có nắp đậy.

2.1.2. Khu vực chứa:

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 10 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Nền kho bằng bê tông, móng đơn BTCT, nhà khung cột BTCT kết hợp xây gạch, mái lợp tôn. Bên ngoài có biển cảnh báo và bình cứu hỏa, bên trong có chia ngăn riêng biệt và mã chất thải cho từng loại chất thải nguy hại, có cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp bị rò rỉ chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa loại 120 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 10 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa có mái che, nền bê tông

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Các biện pháp phòng cháy chữa cháy (PCCC), phòng cháy rừng (PCR)

Chủ dự án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp PCCC, PCR theo đúng quy định hiện hành:

- Trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị PCCC, PCR theo đúng quy định;
- Bố trí cán bộ phụ trách công tác PCCC, PCR;
- Thành lập quy định, giám sát thực hiện quy định về PCCC, PCR;
- Lập phương án PCCC, PCR và thực hiện diễn tập định kỳ.

2. Biện pháp ứng phó đối với sự cố của hệ thống thu gom và xử lý nước thải

- Định kì kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải;
- Phân công cán bộ chuyên trách để vận hành hệ thống xử lý nước thải;

- Lập hướng dẫn vận hành và hướng dẫn xử lý đối với các sự cố thường gặp của hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ,... và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Biện pháp ứng phó với sự cố về điện

- Bố trí cán bộ chuyên trách kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị điện định kỳ;
 - Lập và thực hiện đúng hướng dẫn sử dụng an toàn thiết bị điện./.
-